TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24b/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 02 - 2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Bà Phạm Hồng Ân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 372/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 về "*Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1973 (có mặt).

Cư trú: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Cư trú: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/11/2022, các văn bản kèm theo ông Phạm Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1997, ông và bà Lê Thị H kết hôn và chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì ông N và bà H phát sinh nhiều mâu thuẫn trong lối sống, bất đồng quan điểm, thường hay tranh cải. Từ năm 2017 bà H đi làm thuê và cả hai không còn chung sống từ thời gian đó cho đến nay. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên ông N không thể

đoàn tụ gia đình với bà H, nay ông cương quyết ly hôn với bà H và yêu cầu Tòa án xét xử cho ông ly hôn bà Lê Thị H.

Về con chung: Có hai người con chung tên Phạm Văn M (giới tính nam), sinh ngày 04/7/1997 và Phạm Văn L (giới tính nam), sinh ngày 23/3/2004, hiện tại hai người con chung đã trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Lê Thị H đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập xét xử nhiều lần nhưng bà H vẫn không tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Lê Thị H đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng bà H không cung cấp chứng cứ gì, bà H vắng mặt không có lý do. Nay căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Năm 1997, ông Phạm Văn N và bà Lê Thị H chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Cuộc sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai không còn chung sống mà không thể hàn gắn tình cảm. Ông Phạm Văn N xác định không còn tình cảm dành cho bà H, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và ông N cương quyết ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của ông Phạm Văn N và bà Lê Thị H không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân giữa ông Phạm Văn N và bà Lê Thị H đã và đang trong tình trạng trầm trọng. Bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, cho thấy bà H không mong muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình. Đối với yêu cầu của ông N, bà H không có ý kiến gì. Xét cho ông Phạm Văn N ly hôn với bà Lê Thị H là có cơ sở.

[3] Về con chung: Có hai người con chung tên Phạm Văn M (giới tính nam), sinh ngày 04/7/1997 và Phạm Văn L (giới tính nam), sinh ngày 23/3/2004, hiện tại hai người con chung đã trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Văn N phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147 và 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông Phạm Văn N ly hôn với bà Lê Thị H.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Văn N phải chịu 300.000 đồng. Ông Phạm Văn N đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0018382 ngày 15/11/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Ông Phạm Văn N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- UBND xã P,
huện P, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sơn Ngọc Trọng